

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HSPT

Ngày : 23/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường

Các thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ái Dân- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2018/TLPT-HS ngày 01/3/2018 do có kháng cáo của bị cáo Võ Thanh T và Nguyễn Thành L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

1. Bị cáo kháng cáo:

1. Võ Thanh T (tên gọi khác là T1), sinh năm: 1980, nơi sinh: xã B, huyện C, tỉnh LA; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2/5, xã B, huyện C, tỉnh LA; chỗ ở: ấp 2/5, xã B, huyện C, tỉnh LA; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ L, sinh năm: 1935 (đã chết) và bà Dương TT, sinh năm: 1937 (đã chết); vợ: Phan TL, sinh năm: 1981 và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thành L (tên gọi khác là N), sinh năm: 1981, nơi sinh: xã B, huyện C, tỉnh LA; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 4, xã LH, huyện CG, tỉnh LA; chỗ ở: ấp 4, xã B, huyện CG, tỉnh LA; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N, sinh năm: 1937 (đã chết) và bà Nguyễn TT, sinh năm: 1937; vợ: Mai Thị Thùy L, sinh năm: 1982 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập đến :

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm: 1963. (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp G, xã M, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Minh D, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số 114/11/13 A, Phường D, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị K, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp 2/5, Xã B, huyện C, tỉnh Long An.

- Bà Phan T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp 2/5, Xã B, huyện C, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

- Ông Lê S, sinh năm: 1980

Địa chỉ: ấp G, xã M, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Nguyễn D, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp 2/5, Xã B, huyện C, tỉnh Long An.

- Ông Võ H, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: ấp 4, Xã B, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006, ông Nguyễn Minh D được cha ruột là ông Nguyễn N tặng cho 100m², loại đất ở nông thôn, thuộc thửa đất số 3109 (được tách ra từ thửa đất số 444), tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp 4, Xã B, huyện C. Ngày 30/10/2006, ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 30/9/2009, ông D ký hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Võ H, với giá 60.000.000 đồng (hợp đồng được công chứng hợp pháp) và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H giữ. Năm 2010, Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện tiến hành kê biên và thu hồi thửa đất số 3109 để làm dự án khu dân cư LH, thời điểm này ông D đi làm ăn xa nên em ruột của D là Nguyễn Thành L đứng ra kê khai và nhận các giấy tờ có liên quan đến thửa đất số 3109 như: Quyết định số 4123 ngày 12/05/2010 của Ủy ban nhân dân huyện

C về thu hồi đất của hộ Nguyễn Minh D; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 3109 do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C cấp ngày 06/05/2009. Lát giữ các tài liệu này, nhưng không thông báo cho ông D biết.

Do mua xe và làm ăn thua lỗ nên L còn nợ Võ Thanh T số tiền là 60.000.000 đồng, nên khoảng tháng 02/2011, L mới lấy các giấy tờ đất này đem thế chấp cho T để làm tin và lãi suất là 5%/tháng (không thỏa thuận thời hạn trả nợ). Sau đó, L không trả tiền lãi và gốc, ngày 13/06/2011 T lấy hồ sơ đất này chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Y với giá là 140.000.000 đồng. T nhận đặt cọc trước số tiền 10.000.000 đồng và hẹn ông Y 10 ngày sau ký hợp đồng mua bán đất. T điện thoại kêu L về ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3109 của ông D cho ông Y, L trả lời thửa đất số 3109 ông D đã bán cho người khác rồi thì T nói L cứ giả chữ ký của Nguyễn Minh D ký bán đất lấy tiền trả cho T, khi nào vô quy hoạch, giải tỏa bị phát hiện thì đền tiền lại cho người mua. Bởi vì, T đã nhận tiền cọc rồi, nếu không bán phải đền cọc gấp 3 lần, nên L đồng ý. Sau đó, T viết sẵn Hợp đồng bán đất (giấy tay). Ngày 22/6/2011, Nguyễn Thành L đến nhà T giả chữ ký của ông Nguyễn Minh D ký hợp đồng bán thửa đất số 3109 cho ông Y với số tiền 140.000.000 đồng. Khi hợp đồng được ký, ông Y giao cho T đủ số tiền còn lại, T trả huê hồng cho Lê Thị K 5.000.000 đồng đưa cho L 20.000.000 đồng, T giữ 115.000.000 đồng. Đồng thời, T giao các loại giấy tờ đất của ông D cho ông Y. Sau khi mua đất, ông Y cất nhà tạm trên thửa đất số 3109 để ở. Đến tháng 02/2017, ông Y chết, chị Nguyễn Thị H là con gái ông Y làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 3109 cho ông Nguyễn D thì phát hiện thửa đất số 3109 ông Nguyễn Minh D đã sang nhượng lại cho ông Võ H. Cho nên, chị Thị H làm đơn tố cáo Nguyễn Thành L và Võ Thanh T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 23/01/2018 của Toà án nhân dân thành huyện C đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thanh T và Nguyễn Thành L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; 33; 45 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 22 tháng 9 năm 2017.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 20; 33; 45 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 22 tháng 9 năm 2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về xử lý vật chứng, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thành L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, bị cáo Võ Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thanh T thừa nhận do quen biết với Nguyễn Thành L. Vào tháng 02/2011 bị cáo có cho L mượn số tiền là 60.000.000đ không có nói thời gian trả L có thể chấp giấy tờ đất đai của anh Nguyễn Minh D để làm tin. Đến tháng 6 năm 2011 bị cáo tự ý đem giấy tờ đất trên chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Y giá 140.000.000đ bị cáo lấy cọc trước 10.000.000đ, bị cáo L hoàn toàn biết và bị cáo không có nói. Đến ngày hẹn ký giấy tờ chuyển nhượng bị cáo mới nói cho L biết và kêu L ký giấy tờ chuyển nhượng. L từ chối và nói đất trên anh D (anh ruột của L) đã bán cho người khác rồi, bị cáo kêu L giả chữ ký của anh D không L phải bồi thường tiền cọc gấp 3 lần, sau đó L đồng ý ký chuyển nhượng, và bị cáo nhận tiếp số tiền còn lại có đưa cho L 20.000.000đ còn lại bị cáo sử dụng. Tòa cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng tội, đúng pháp luật không oan, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thành L thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo dung như nội dung án sơ thẩm đã xử: Do làm ăn thua lỗ và có nợ tiền của T nên bị cáo đã đem giấy tờ đất của anh trai mình Nguyễn Minh D đem thế chấp cho T. Bị cáo hoàn toàn không có mục đích đem chuyển nhượng đất mà do Võ Thanh T tự ý đem chuyển nhượng và kêu bị cáo giả chữ ký tên D để chuyển nhượng, Nếu không bị cáo bồi thường cọc gấp 3 lần nên buộc lòng bị cáo ký. Sau đó bị cáo T nhận tiền chuyển nhượng đất và có đưa cho bị cáo 20.000.000đ. Bị cáo xác định bị Tòa sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng tội, không oan. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo L là nguồn lao động chính trong gia đình, còn phải nuôi con nhỏ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Hành vi của bị cáo Võ Thanh T và Nguyễn Thành L bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, không oan và áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thanh T 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thành L 02 năm tù là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo L có nêu hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi con nhỏ, nhưng đây là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thanh T và Nguyễn Thành L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Sau khi bàn bạc thống nhất chuyển nhượng thửa đất số 3109, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp 4, Xã B, huyện C của ông Nguyễn Minh D cho ông Nguyễn Văn Y để lấy tiền tiêu xài. Ngày 22/6/2011, Võ Thanh T viết giấy tay hợp đồng bán đất, L giả chữ ký của ông Nguyễn Minh D ký tên vào nơi người bán đất để chiếm đoạt của ông Y số tiền 140.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 02/2017 ông Y chết, con gái ông Y tên là Nguyễn Thị H làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 3109 lại cho người khác thì phát hiện thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn Hồng nên làm đơn tố cáo Võ Thanh T và Nguyễn Thành L. Tại Cơ quan điều tra T và L khai nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, hành vi của bị cáo Võ Thanh T và Nguyễn Thành L đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thanh T và Nguyễn Thành L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả và xử phạt bị cáo Võ Thanh T 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thành L 02 năm tù là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo T là người trực tiếp chủ động giao dịch với bị hại, tự chuyển nhượng đất không phải của mình là chủ sử dụng, đề xuất, rủ rê bị cáo L thực hiện hành vi lừa dối để làm cho bị hại tin bị cáo L là chủ sử dụng đất nên bị hại đã đồng ý giao dịch và đưa tiền để bị cáo chiếm đoạt, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thành L là đồng phạm việc bị cáo thực hiện hành vi do sự gò ép vai trò thứ yếu số tiền bị cáo nhận chiếm đoạt ít hơn bị cáo T, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải khắc phục hậu quả nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự bị cáo kháng cáo bổ sung tình tiết hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ bị cáo là nguồn lao động chính đang nuôi mẹ bị tổn thương nảo, gia đình có anh ruột là liệt sĩ. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Căn cứ vào Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo Võ Thanh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định do kháng cáo không được chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Thành L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh T.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L; cải sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thành huyện C, tỉnh Long An.

Tuyên bố bị cáo Võ Thanh T và Nguyễn Thành L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20; 33; 45 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Võ Thanh T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 22/9/2017.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 33; 45 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 54 bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành L** 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 22/9/2017.

[2] Về án phí: Các bị cáo Võ Thanh T phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thành L không phải nộp án phí phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC (1);
- VKSNDCC (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (1);
- TAND huyện (2);
- VKSND huyện (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hùng Cường